

GIẢI MÃ CẤU TRÚC “MÃ TRỘN” TRONG THỂ GIỚI NHẠC TRẺ VIỆT NAM (2018-2023)

TRẦN THỊ LAM THỦY*

TÓM TẮT: Bài viết tập trung khảo sát và phân tích đặc điểm cấu trúc của mã trộn ngôn ngữ trong các ca khúc nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023. Trên cơ sở khảo sát, thống kê 435 ca khúc tiêu biểu sử dụng mã trộn trên nền tảng Youtube, nghiên cứu chỉ ra rằng mã trộn chủ yếu được sử dụng bên trong câu với 3 loại cấu trúc: từ - cụm từ - mệnh đề. Trong đó, cấp độ từ loại chiếm số lượng cao nhất; danh từ, động từ và tính từ là ba nhóm chiếm tần suất cao nhất. Sự khác biệt về tần suất trộn mã giữa các từ loại, các cấu trúc không mang tính ngẫu nhiên mà phản ánh quá trình lựa chọn ngôn ngữ có chủ đích của người sáng tác, hướng tới việc tối ưu hóa hiệu ứng biểu cảm, thẩm mỹ và thị giác trong lời ca. Bên cạnh đó, bài viết cũng làm rõ các đặc trưng ngữ pháp và ngữ nghĩa riêng của từng nhóm từ loại, qua đó khẳng định vai trò của mã trộn như một chiến lược sáng tạo ngôn ngữ góp phần làm phong phú diện mạo ngôn ngữ nghệ thuật của nhạc trẻ Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

TỪ KHÓA: Mã trộn ngôn ngữ; cấu trúc của mã trộn; nhạc trẻ; ca từ âm nhạc.

NHẬN BÀI: 10/04/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/07/2026

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hóa và giao tiếp liên văn hóa, nghiên cứu ngôn ngữ không còn chỉ dừng lại với đối tượng ngôn ngữ như một hệ thống tĩnh mà ngày càng xem nó như là thực thể sống động, phản ánh quá trình tương tác xã hội và biến đổi văn hóa. Từ góc nhìn ngôn ngữ học xã hội, hiện tượng trộn mã nổi lên như một biểu hiện đặc thù của sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ, nơi người nói - hoặc người sáng tạo nghệ thuật - chủ động lựa chọn mã ngôn ngữ để thể hiện bản sắc và chiến lược giao tiếp. (Wardhaugh, R., & Fuller, J. M., 2021, tr.101-104).

Theo Nguyễn Văn Khang (2012), trộn mã là hiện tượng trong đó một mã ngôn ngữ được đưa vào mã ngôn ngữ khác trong quá trình giao tiếp, với mã chính vẫn giữ vai trò chủ đạo. Đồng thời, ông xem trộn mã là một trong những chiến lược lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp xã hội đa ngữ (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr.387). Đặc biệt, trong âm nhạc đại chúng, trộn mã không chỉ mang chức năng thẩm mỹ mà còn phản ánh sự dịch chuyển trong tư duy ngôn ngữ và bản sắc thế hệ trẻ Việt Nam.

Từ cuối thập niên 2010, nhạc trẻ Việt Nam chứng kiến sự gia tăng đáng kể của việc đan xen tiếng Việt với các ngôn ngữ khác - chủ yếu là tiếng Anh - như một cách tạo dấu ấn nghệ thuật và mở rộng phạm vi biểu đạt. Giai đoạn 2018-2023 đánh dấu sự bùng nổ của xu hướng này, gắn liền với sự phát triển của công nghệ sản xuất âm nhạc, sự lan tỏa của văn hóa K-pop, US-UK, cùng nhu cầu thể hiện bản thân của nghệ sĩ trẻ (Tiểu Tân, 2023). Trộn mã, vì thế, không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà là chiến lược biểu đạt có chủ đích, phản ánh sự sáng tạo, hội nhập và quá trình kiến tạo bản sắc của tiếng Việt trong thời đại toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu hiện tượng trộn mã ngôn ngữ trong các tác phẩm nhạc trẻ Việt Nam (2018-2023) hướng đến việc khám phá và giải mã đặc điểm cấu trúc của mã trộn như một biểu hiện ngôn ngữ - văn hóa đương đại. Bằng cách khảo sát cách thức và tần suất đan xen ngôn ngữ trong lời ca, nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ sự vận động của tiếng Việt trong giao tiếp nghệ thuật mà còn mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa ngôn ngữ học, văn hóa đại chúng và bản sắc thế hệ trẻ.

*TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: ttlthuy@sgu.edu.vn

2. Tổng quan tài liệu

2.1. Nghiên cứu trên thế giới

Từ nửa sau thế kỉ XX, cùng với sự phát triển của xã hội học ngôn ngữ và dân tộc học giao tiếp, hiện tượng chuyển mã và trộn mã bắt đầu được nghiên cứu như những chiến lược giao tiếp phản ánh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, bối cảnh xã hội và bản sắc người nói. Nền tảng cho hướng tiếp cận này được đặt ra trong các công trình của Dell Hymes về năng lực giao tiếp và dân tộc học giao tiếp, sau đó được phát triển bởi John J. Gumperz và nhiều nhà nghiên cứu khác.

Từ hướng nghiên cứu giao tiếp, Gumperz (1982) khẳng định trộn mã là chiến lược giao tiếp có chủ đích, giúp người nói biểu đạt sắc thái ý nghĩa và xác lập vị thế xã hội. Trên bình diện cấu trúc, Myers-Scotton (1993) đề xuất mô hình “Khung ngôn ngữ ma trận” (Matrix Language Frame Model), lí giải cơ chế tổ chức cú pháp của hiện tượng này, cho thấy trộn mã có quy luật nội tại chứ không ngẫu nhiên. Tiếp nối, Muysken (2000) xây dựng hệ thống phân loại ba dạng trộn mã - chèn từ (insertion), xen kẽ (alternation) và từ vựng hóa phù hợp (congruent lexicalization) - mở rộng cách nhận diện và miêu tả hiện tượng này trong lời nói song ngữ.

Từ góc nhìn xã hội học ngôn ngữ, Wartinah & Wattimury (2018) cho rằng hiện tượng chuyển mã và trộn mã ở người sử dụng đa ngữ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố giao tiếp; đồng thời, các tác giả kế thừa quan điểm của Karen Kow (2003) rằng việc thiếu từ tương ứng, tránh hiểu lầm và nhấn mạnh thông điệp là những nguyên nhân phổ biến dẫn đến trộn mã.

Khi mở rộng sang lĩnh vực nghệ thuật đại chúng, trộn mã được xem như chiến lược thẩm mĩ và bản sắc văn hóa. Các nghiên cứu về hip-hop Nigeria (Babalola & Taiwo, 2009; Balogun & Murana, 2021) và nhạc pop Thái Lan (Likhitphongsathorn & Sappapan, 2013) đều chỉ ra rằng việc xen cài ngôn ngữ không chỉ phản ánh sự hội nhập mà còn khẳng định phong cách và cá tính nghệ sĩ.

Như vậy, trong bối cảnh toàn cầu, trộn mã được tiếp cận như một hiện tượng ngôn ngữ - văn hóa có quy luật, thể hiện tính linh hoạt, đa dạng và khả năng kiến tạo bản sắc của người sử dụng.

2.2. Nghiên cứu tại Việt Nam

Tại Việt Nam, hiện tượng trộn mã được đề cập trong mối liên hệ giữa tiếp xúc ngôn ngữ và biến đổi xã hội. Các công trình của Cao Xuân Hạo (2001) và Nguyễn Thiện Giáp (2008) đặt nền tảng lí luận cho việc nhìn nhận tiếng Việt như một hệ thống mở, giàu khả năng tiếp biến. Nguyễn Văn Khang (2012) phát triển hướng nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, xem trộn mã là biểu hiện của sự phân tầng xã hội và xu hướng đô thị hóa ngôn ngữ.

Những năm gần đây, các nghiên cứu ứng dụng tập trung vào trộn mã trong giao tiếp của sinh viên, báo chí và thương mại. Lê Thị Thùy Vinh, Trần Thu Huyền, Nguyễn Thị Thanh (2023) chỉ ra vai trò của tiếng Anh trong tiêu đề báo điện tử như yếu tố phong cách hiện đại, song cũng đặt vấn đề về nguy cơ lai hóa bản sắc. Trần Thị Phương Lý & Cao Kim Vy (2020) khi khảo sát trộn mã Việt - Anh trong mua bán tại chợ Bến Thành cho rằng đây là chiến lược giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa. Gần đây nhất, nhóm tác giả Vũ Ngọc Tiến, Quang Đăng Như Ý, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Hoàng Kim Ngân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2025) dưới sự hướng dẫn của TS. Trần Thị Lam Thủy đã thực hiện đề tài *Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ trong các tác phẩm nhạc trẻ (giai đoạn 2018-2023)*, khẳng định việc trộn mã ngôn ngữ như là một chiến lược giao tiếp thẩm mĩ trong âm nhạc, đặt nền móng cho những khám phá về mã trộn ngôn ngữ trong môi trường âm nhạc của thế hệ trẻ.

Tổng thể, các công trình trong nước đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lí thuyết và thực tiễn của trộn mã, tạo tiền đề cho nghiên cứu hiện tại, hướng tới khám phá đặc điểm cấu trúc của mã trộn như một biểu hiện ngôn ngữ - văn hóa đặc thù của thời đại hội nhập.

3. Mục đích, phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này hướng tới việc khảo sát và phân tích cấu trúc của mã trộn ngôn ngữ trong lời ca của các tác phẩm nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023. Mục tiêu chính là xác định đặc điểm hình thức, phạm vi và chức năng giao tiếp của các đơn vị trộn mã (từ, cụm từ, mệnh đề, câu) được sử dụng

trong lời bài hát, qua đó làm rõ cơ chế vận hành của mã ngôn ngữ lai ghép trong môi trường âm nhạc đại chúng.

Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào:

- Phân loại và miêu tả các dạng thức trộn mã (nội mã, ngoại mã, xen/ chuyển mã);
- Phân tích đặc điểm cấu trúc, ngữ pháp của các yếu tố ngôn ngữ được trộn;
- Khảo sát mức độ phổ biến và tần suất xuất hiện của từng kiểu trộn mã trong ngữ liệu của 435 ca khúc nhạc trẻ;
- Xác định mối liên hệ giữa lựa chọn mã ngôn ngữ với cấu trúc và phong cách biểu đạt của tác phẩm;

Từ đó, rút ra đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của trộn mã trong sáng tác nhạc trẻ Việt Nam đương đại.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính toàn diện và khách quan, nghiên cứu vận dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng, cụ thể gồm:

- Phương pháp khảo sát - thống kê ngữ liệu: Thu thập và xử lý 435 ca khúc nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023 có yếu tố trộn mã.
- Phương pháp miêu tả - phân loại: Miêu tả chi tiết các cấu trúc của mã trộn (từ vựng, ngữ pháp, cú pháp) và phân loại theo cấp độ đơn vị (từ, cụm từ, mệnh đề, câu).
- Phương pháp đối chiếu - so sánh: Đối chiếu mức độ, tần suất và xu hướng trộn mã giữa các cấu trúc cú pháp.
- Phương pháp phân tích thống kê mô tả: Sử dụng công cụ Excel/SPSS để tổng hợp số liệu, xác định tỉ lệ xuất hiện, của các loại cấu trúc mã trộn.

Hệ phương pháp trên giúp làm sáng tỏ cấu trúc và cơ chế ngôn ngữ của trộn mã trong lời ca nhạc trẻ Việt Nam, đồng thời cung cấp dữ liệu khoa học cho việc đánh giá ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến bản sắc ngôn ngữ - văn hóa Việt trong âm nhạc hiện đại.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Mã và trộn mã (Code and Code-Mixing)

4.1.1. Khái niệm

Theo Nguyễn Văn Khang, *trộn mã* là hiện tượng trong quá trình giao tiếp, các yếu tố của một mã ngôn ngữ được đưa vào một mã ngôn ngữ khác; trong đó một mã giữ vai trò chủ đạo (matrix language), còn mã kia chỉ giữ vai trò bổ sung và chịu sự chi phối của mã chủ đạo (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr.387). Wardhaugh và Fuller (2021) cho rằng *mã* là hệ thống được sử dụng để giao tiếp giữa các thành viên trong một cộng đồng. Việc lựa chọn và chuyển đổi giữa các mã phản ánh mối quan hệ xã hội, bối cảnh giao tiếp và mục đích của người nói (tr.85-104). Theo Auer (1998), việc lựa chọn mã luôn gắn liền với bối cảnh xã hội và chiến lược diễn ngôn, trong đó chuyển đổi giữa các mã là một nguồn lực để kiến tạo ý nghĩa trong diễn ngôn.

Myers-Scotton (1993) xem trộn mã là một *chiến lược giao tiếp có chủ đích*, phản ánh quá trình thương thảo bản sắc và vị thế xã hội của người nói. Cùng hướng này, Muysken (2000) định nghĩa trộn mã là việc *kết hợp các đơn vị ngữ pháp và từ vựng của hai ngôn ngữ trong cùng một phát ngôn*, thể hiện năng lực giao tiếp linh hoạt và tính hệ thống của người dùng song ngữ.

Về hình thức thể hiện, Nguyễn Văn Khang (2012) cho rằng, việc lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp gồm: duy trì mã, chuyển mã và trộn mã. Trong đó, chuyển mã và trộn mã là hai chiến lược lựa chọn mã phổ biến trong bối cảnh giao tiếp đa ngữ. Trong khi đó, Bokamba (1988) phân biệt rõ: chuyển mã (Code-switching) là sự chuyển đổi từ một ngôn ngữ (hoặc phương ngữ) sang ngôn ngữ khác trong quá trình nói và trộn mã (Code-mixing) là sự pha trộn các đơn vị ngôn ngữ (morpheme, từ, cụm từ...) của hai hệ thống ngôn ngữ trong cùng một phát ngôn, tuân theo các quy tắc ngữ pháp.

Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận trộn mã theo hướng của Bokamba (1988) xem đây là *sự pha trộn có chủ ý giữa hai hệ thống ngôn ngữ* nhằm đạt hiệu quả giao tiếp và thể hiện bản sắc trong bối

cảnh đa văn hóa. Trộn mã vì thế không chỉ là hiện tượng ngữ pháp, mà còn là *biểu hiện của giao thoa ngôn ngữ - văn hóa* trong xã hội đương đại.

4.1.2. Phân loại và biểu hiện của hiện tượng trộn mã

Trộn mã là hiện tượng phổ biến trong giao tiếp đa ngôn ngữ, phản ánh *sự linh hoạt và giao thoa giữa các ngôn ngữ - văn hóa*. Bokamba (1988) cho rằng, hiện tượng này được chia thành ba loại chính: trộn mã bên trong câu (intra-sentential mixing) và trộn mã giữa các câu (extra-sentential mixing) và trộn mã theo thẻ ngôn ngữ (tag switching). Trộn mã bên trong câu là việc các đơn vị ngôn ngữ của hai ngôn ngữ khác nhau được đan xen trong cùng một câu hoặc phát ngôn; trong khi đó, trộn mã ngoài câu xảy ra giữa các câu hoặc đoạn văn, thể hiện sự chuyển đổi mã theo mạch ý.

Nghiên cứu này chỉ tập trung vào *trộn mã bên trong câu*, bởi đây là loại hình xuất hiện phổ biến nhất trong lời ca nhạc trẻ Việt Nam. Dựa trên phân loại của Muysken (2000), hiện tượng này bao gồm các dạng cơ bản sau: *chèn từ*, *chèn cụm từ*, *chèn mệnh đề*, *chèn biểu thức/ thành ngữ*, và *chèn kiểu kết hợp giữa ngôn ngữ gốc và tiếng nước ngoài*. Cụ thể:

- *Chèn từ (word insertion)*: là dạng đơn giản nhất, khi một từ nước ngoài được đưa vào câu mà không làm thay đổi cấu trúc ngữ pháp, ví dụ: “*Hôm nay, tôi bận đi dự một buổi talkshow.*”.

- *Chèn cụm từ (phrase insertion)*: thể hiện việc sử dụng cụm từ ngoại ngữ nhằm tăng tính biểu cảm, như trong câu “*Mỗi lần nghĩ tới chuyện đó là tôi muốn give up luôn á!*”.

- *Chèn mệnh đề (clause insertion)*: phức tạp hơn, thường đòi hỏi người nói am hiểu cả hai hệ thống ngữ pháp, ví dụ: “*Tôi đã nói với cô ấy, that I will not attend the meeting.*”.

- *Chèn biểu thức/ thành ngữ (expression/idiom insertion)*: được dùng để tạo sắc thái tự nhiên hoặc nhấn mạnh cảm xúc, như “*Tôi cảm thấy như on cloud nine.*”.

- *Chèn kiểu kết hợp (baster insertion)*: là sự pha trộn giữa cấu trúc ngữ pháp và từ vựng của hai ngôn ngữ, ví dụ: “*Bạn nhớ phải take care of bản thân nhé!*”.

Như vậy, có thể thấy trộn mã bên trong câu là hiện tượng chèn (chêm xen) ngôn ngữ thứ hai vào câu gốc (ngôn ngữ thứ nhất) với nhiều cấp độ khác nhau (5 cấp độ như trên).

4.2. Khái quát về Nhạc trẻ Việt Nam

Nhạc trẻ (Pop music) là dòng âm nhạc đại chúng hiện đại, phản ánh đời sống tinh thần, cảm xúc và bản sắc của thế hệ trẻ trong xã hội đương đại. Âm nhạc của giới trẻ không chỉ nhằm giải trí mà còn là phương tiện để xây dựng bản sắc xã hội và thể hiện quan điểm cá nhân trong bối cảnh đô thị hóa. Với giai điệu “bắt tai”, tiết tấu rõ ràng và ca từ gần gũi, nhạc trẻ thể hiện các chủ đề quen thuộc như tình yêu, khát vọng, cô đơn hoặc hành trình tìm kiếm bản thân. Đặc trưng của âm nhạc đại chúng nằm ở khả năng vận hành trong môi trường công nghiệp văn hóa - nơi tính thương mại, hình ảnh và sự lan tỏa truyền thông quyết định sự tồn tại của tác phẩm (Wan Nur Syaza Sahira Wan Rusli & Azianura Hani Shaari, 2018).

Tại Việt Nam, khái niệm “nhạc trẻ” xuất hiện từ thập niên 1960, gắn với tên tuổi nhà báo Trường Kỳ và các ban nhạc như Phượng Hoàng, CBC Band, The Dreamers... chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Pop, Rock, Twist, Yéyé... của phương Tây. Sau năm 1975, thuật ngữ “nhạc nhẹ” được dùng thay thế, phản ánh xu hướng nghệ thuật gắn với tuyên truyền xã hội. Từ sau Đổi mới 1986, nhạc trẻ dần phục hồi, trở thành dòng chảy chủ đạo trong đời sống âm nhạc với sự nổi lên của thế hệ ca sĩ như Mỹ Linh, Hồng Nhung, Lam Trường, Phương Thanh, v.v. Bước sang thập niên 2000, “V-pop” định hình như biểu tượng của âm nhạc đại chúng Việt Nam hiện đại, hòa nhập mạnh mẽ với các xu hướng toàn cầu như K-pop, R&B, EDM, hip-hop, v.v.

Từ năm 2018 đến nay, sự phát triển của nền tảng số như YouTube, Spotify, TikTok... đã tái định nghĩa cách thức sản xuất và tiếp nhận âm nhạc. Người nghe trở thành “đồng sáng tạo” thông qua chia sẻ, remix, cover hoặc tạo xu hướng trực tuyến. Cấu trúc âm nhạc trẻ ngày càng lai ghép, pha trộn nhiều thể loại (Pop, Ballad, Hip-hop, Indie, dân gian đương đại...), thể hiện tinh thần mở và tính toàn cầu hóa thẩm mỹ. Các nghệ sĩ như Sơn Tùng M-TP, Tlinh, Wren Evans, MONO hay Obito đã mang đến diện mạo mới cho V-pop - nơi âm nhạc, hình ảnh, công nghệ và ngôn ngữ giao thoa mạnh mẽ.

Từ góc nhìn văn hóa học, nhạc trẻ Việt Nam là một không gian giao thoa giữa nghệ thuật, công nghệ và xã hội, phản ánh tiến trình hội nhập và chuyển động giá trị của thế hệ trẻ. Trong bối cảnh đó, hiện tượng trộn mã ngôn ngữ không chỉ là xu hướng thẩm mỹ mà còn là chiến lược biểu đạt bản sắc và toàn cầu hóa ngôn ngữ âm nhạc của Việt Nam hiện đại.

4.3. Kết quả khảo sát hiện tượng trộn mã trong nhạc trẻ Việt Nam

4.3.1. Giới thiệu về quá trình khảo sát

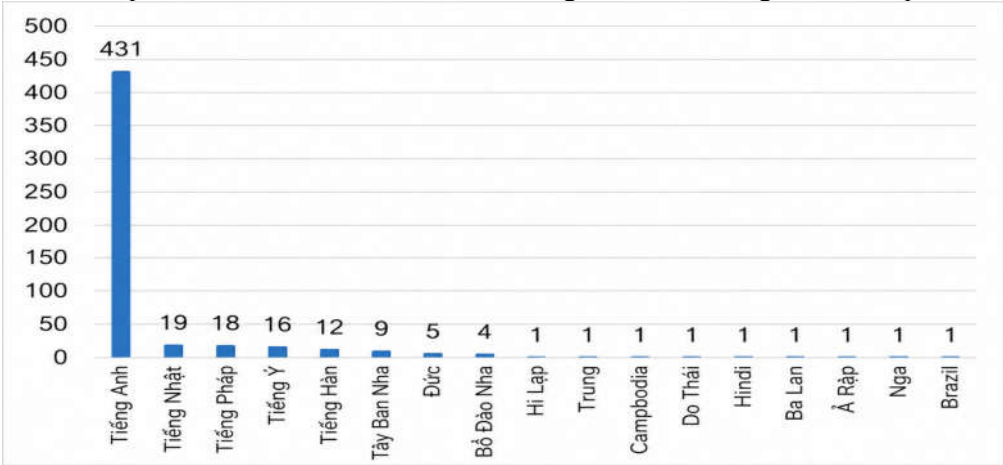
Quá trình khảo sát được tiến hành qua hai giai đoạn chính:

Giai đoạn 1: Thu thập và phân loại dữ liệu: Nghiên cứu tiến hành tìm kiếm và chọn ra 500 ca khúc nhạc trẻ Việt Nam trong giai đoạn 2018-2023, chủ yếu từ nền tảng YouTube. Qua khảo sát ca từ, có 435 (chiếm 87%) ca khúc có hiện tượng trộn mã ngôn ngữ. Số liệu này cho thấy việc sử dụng mã trộn trong nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn này khá phổ biến.

Giai đoạn 2: Phân loại và phân tích mã trộn: Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu về cấu trúc ngữ pháp của mã trộn ở ba cấp độ: từ, cụm từ, và mệnh đề.

4.3.2. Kết quả thống kê ngôn ngữ sử dụng trong mã trộn

Khảo sát 435 tác phẩm nhạc trẻ Việt Nam trên nền tảng Youtube, chúng tôi có kết quả như sau:



Biểu đồ 1. Ngôn ngữ được dùng làm mã trộn trong nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023 (Số liệu được tính trên tổng số 435 ca khúc có mã trộn)

[Nguồn: Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả Vũ Ngọc Tiến, Quang Đăng Như Ý, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Hoàng Kim Ngân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh]

Biểu đồ 01 cho thấy, tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng làm mã trộn phổ biến nhất, chiếm tỉ lệ áp đảo so với các ngôn ngữ khác (431 bài). Theo sau là tiếng Nhật (19 bài) và tiếng Pháp (18 bài), các ngôn ngữ như tiếng Ý, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Đức, Bồ Đào Nha, Do Thái, Hy Lạp, Trung Quốc, Cambodia, Hindi, Ả Rập, Ba Lan, Nga và Brazil cũng được ghi nhận, nhưng với tần suất hạn chế.

Để thấy được bức tranh mã trộn trong tiến trình phát triển từ năm 2018 đến 2023, chúng tôi tiếp tục phân loại theo từng năm (dựa theo thông tin thời gian ca khúc được đăng lên Youtube). Kết quả cụ thể:

Bảng 1. Thống kê các ngôn ngữ được trộn mã trong tác phẩm nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023

Ngôn ngữ	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng
Tiếng Anh	44	31	83	67	66	140	431
Tiếng Hàn	1	1	4	1	2	3	12
Tiếng Nhật		1	5	5	5	3	19
Tiếng Pháp	2	2	1	1	2	10	18

Tiếng Ý	3	1	3	3		6	16
Tiếng Tây Ban Nha		1	1	1		6	9
Tiếng Bồ Đào Nha	1		1	1		1	4
Tiếng Đức	1		1	1	1	1	5
Tiếng Hy Lạp				1			1
Tiếng Trung				1			1
Tiếng Cambodia					1		1
Tiếng Do Thái				1			1
Tiếng Hindi						1	1
Tiếng Ba Lan						1	1
Tiếng Ả Rập						1	1
Tiếng Nga						1	1
Tiếng Brazil						1	1
Tổng (theo năm)	52	37	99	83	77	175	523

[Nguồn: Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả Vũ Ngọc Tiên, Quang Đăng Như Ý, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Hoàng Kim Ngân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh.]

Bảng 1 cho thấy, càng về sau, việc sử dụng mã trộn càng tăng, rõ nhất là tiếng Anh (từ 44 bài năm 2018 đến 140 bài năm 2023), tiếng Pháp (từ 2 bài năm 2018 đến 10 bài năm 2023), tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý (từ 1/3 bài năm 2018 đến 6 bài năm 2023) và nhiều ngôn ngữ như tiếng Hindi, Ba Lan, Ả Rập, Nga, Brazil... dù chỉ là con số rất nhỏ song đã mạnh mẽ xuất hiện trong ca từ của một số bài hát năm 2023. Trong đó có một số nhạc phẩm sử dụng hơn hai loại mã trộn. Số liệu tổng hợp 523/435 bài (120%) cho thấy có ít nhất 20% số bài hát được khảo sát sử dụng từ 2 loại mã trộn.

Kết quả này cho thấy hiện tượng trộn mã trong nhạc trẻ Việt Nam mang tính đa dạng ngôn ngữ, phản ánh xu hướng toàn cầu hóa và ảnh hưởng mạnh mẽ của các nền văn hóa - âm nhạc quốc tế đối với giới sáng tác trẻ Việt Nam.

4.3.3. Kết quả thống kê và phân loại cấu trúc của mã trộn

a. Thống kê, phân loại các mã trộn

Khảo sát hiện tượng trộn mã trong ca khúc nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023, nghiên cứu thu được 5031 mã trộn với ba cấp độ cấu trúc: từ, cụm từ và mệnh đề. Kết quả cụ thể của từng loại cấu trúc như sau:

Bảng 2. Hệ thống mã trộn giai đoạn 2018-2023 theo cấp độ cấu trúc

Tiêu chí	Từ	Cụm từ	Mệnh đề	Tổng
Số lượng	3.624	996	411	5.031
Tỉ lệ (%)	72,03	19,80	8,17	100

Dữ liệu cho thấy, trộn mã ở cấp độ từ chiếm ưu thế (72,03%), tiếp đến là cụm từ (19,80%) và mệnh đề (8,17%). Sự chênh lệch này phản ánh xu hướng chèn mã ở đơn vị nhỏ có nhiều lợi thế, được ưu tiên sử dụng trong kiến tạo lời ca. Việc trộn mã ở cấp độ mệnh đề - vốn phức tạp hơn - ít được sử dụng, cho thấy sự tiết chế có chủ đích của người sáng tác nhằm đảm bảo tính hài hòa ngôn ngữ.

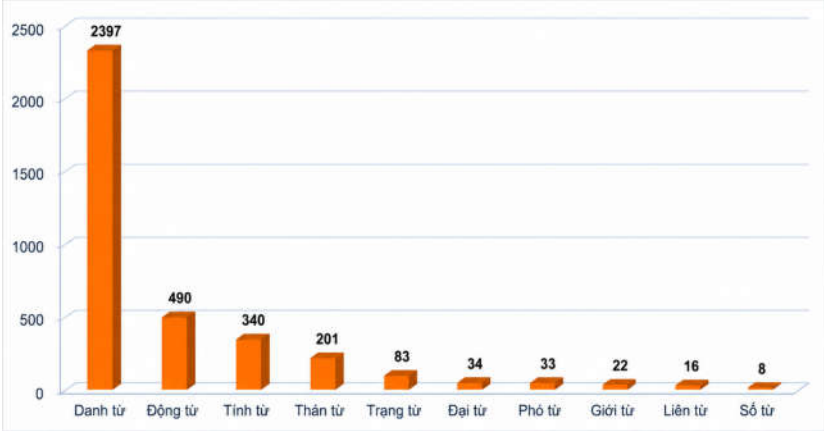
b. Thống kê, phân loại mã trộn ở cấp độ từ

Tiếp theo, chúng tôi đi sâu vào phân loại chi tiết để thấy được sự tham gia vào việc trộn mã của từng nhóm từ loại. Kết quả cụ thể cho mã trộn ở cấp độ từ:

Bảng 3. Hệ thống từ loại của mã trộn xuất hiện dưới dạng từ

Từ loại	Danh từ	Động từ	Tính từ	Thán từ	Trạng từ	Đại từ	Phó từ	Giới từ	Liên từ	Số từ	Tổng
Số lượng (mã trộn)	2397	490	340	201	83	34	33	22	16	8	3624
Tỉ lệ (%)	66,14	13,52	9,38	5,55	2,29	0,94	0,91	0,61	0,44	0,22	100%

Số liệu trong bảng 3 cho thấy sự phân bố không đồng đều giữa các từ loại trong mã trộn ở dạng từ. Danh từ là loại từ xuất hiện nhiều nhất với 2.397 mã trộn, chiếm gần 66,14% tổng số mã trộn ở dạng từ. Đứng sau là động từ (490 mã trộn) và tính từ (340 mã trộn) cho thấy đây là ba nhóm từ chiếm ưu thế rõ rệt. Thán từ cũng xuất hiện với tần suất tương đối đáng kể (201 mã trộn), trong khi các loại từ khác như trạng từ (83 mã trộn), đại từ (34 mã trộn), phó từ (33 mã trộn), số từ (8 mã trộn) có số lượng ít hơn. Các đơn vị ngôn ngữ công cụ như giới từ (22 mã trộn), liên từ (16 mã trộn) hầu như chỉ xuất hiện rải rác. Có thể thấy rõ hơn sự chênh lệch các từ loại tham gia vào mã trộn qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Thống kê từ loại của mã trộn xuất hiện dưới dạng từ

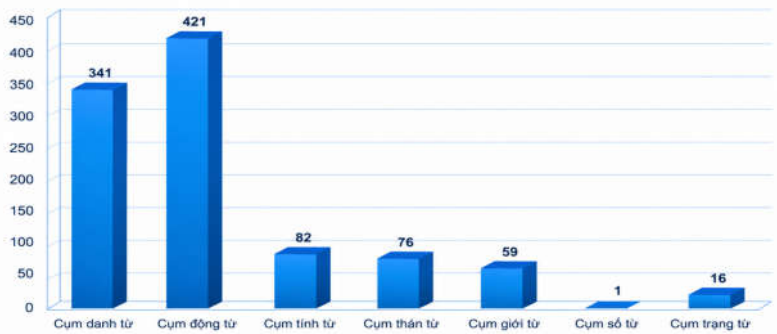
Nhìn chung, mã trộn ở dạng từ chủ yếu tập trung ở một số nhóm từ nhất định song vẫn thể hiện sự đa dạng về mặt từ loại dù mức độ phổ biến có sự chênh lệch rõ rệt.

c. Thống kê, phân loại mã trộn ở cấp độ cụm từ

Bảng 4. Thống kê từ loại của mã trộn xuất hiện dưới dạng cụm từ

Loại cụm từ	Cụm danh từ	Cụm động từ	Cụm tính từ	Cụm thán từ	Cụm giới từ	Cụm số từ	Cụm trạng từ	Tổng
Số lượng	341	421	82	76	59	1	16	996
Tỉ lệ (%)	34,2%	42,3%	8,2%	7,6%	5,9%	0,1%	1,6%	100%

Số liệu trong bảng 4 cho thấy sự phân bố không đồng đều giữa các loại cụm từ trong mã trộn. Trong đó, cụm động từ chiếm ưu thế với 421 mã trộn, là loại cụm từ được trộn mã nhiều nhất, cụm danh từ đứng thứ hai với 341 mã trộn. Các loại cụm từ còn lại có tần suất xuất hiện thấp hơn rõ rệt. Cụ thể, cụm tính từ (82 mã trộn), cụm thán từ (76 mã trộn), cụm giới từ (59 mã trộn), cụm số từ (1 mã trộn) và cụm trạng từ (16 mã trộn) xuất hiện với tần suất rất thấp, phản ánh mức độ hạn chế trong việc sử dụng mã trộn ở những loại cấu trúc có tính ngữ pháp công cụ cao hoặc không đóng vai trò nổi bật về mặt biểu cảm trong ca từ. Có thể thấy rõ hơn sự chênh lệch giữa các cụm từ loại qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3. Thống kê từ loại của mã trộn xuất hiện dưới dạng cụm từ

Nhìn chung, số liệu cho thấy các cụm từ có chức năng biểu đạt nội dung chính vẫn được ưu tiên sử dụng trong hiện tượng mã trộn, trong khi các cụm có vai trò ngữ pháp hỗ trợ ít được sử dụng hơn.

d. Thống kê, phân loại mã trộn ở cấp độ mệnh đề

Mệnh đề trộn mã trong nhạc trẻ Việt Nam ở đây được phân loại thành hai nhóm chính: mệnh đề độc lập và mệnh đề phụ thuộc. Kết quả thống kê và phân loại cụ thể như sau:

Bảng 5. Mã trộn dưới dạng mệnh đề

Loại mệnh đề	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Mệnh đề độc lập	387	94,16
Mệnh đề phụ thuộc	24	5,84
Tổng cộng	411	100

Bảng 5 cho thấy rõ sự chênh lệch trong việc sử dụng giữa mã trộn mệnh đề độc lập và mệnh đề phụ thuộc. Bản thân mã trộn dưới dạng mệnh đề vốn phức tạp - điều này lí giải vì sao tỉ lệ sử dụng thấp (8,17% trong tổng số 5.031 mã trộn) - cho thấy khả năng của loại cấu trúc này trong việc phối hợp với lời nhạc Việt là rất thấp.

4.4. Giải mã mối quan hệ giữa cấu trúc mã trộn và sự lựa chọn của nghệ sĩ trong thể giới nhạc trẻ

Lí giải về kết quả khảo sát cấu trúc mã trộn trong 435 ca khúc nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, về tỉ lệ chênh lệch giữa các cấu trúc mã trộn

Theo số liệu, mã trộn chiếm tỉ lệ lớn nhất là từ (3.624/5.031 mã trộn chiếm 72,03%). Tiếp sau đó là mã trộn cụm từ (996 mã trộn chiếm 19,80%). Trong thực tế, chèn mã ở dạng từ đơn giản hơn, linh hoạt hơn và có khả năng hoàn thiện câu trong mọi ngữ cảnh cao hơn. Chính vì vậy, dạng mã này được sử dụng cao hơn, phổ cập hơn là điều tất yếu. Cũng theo Muysken (2000), trộn mã bên trong câu, đặc biệt ở dạng chèn từ và cụm từ, là mô hình phổ biến trong xã hội hiện đại, phản ánh sự hội nhập ngôn ngữ và khả năng sáng tạo của người nói.

Bên cạnh đó, một trong những lí do giải thích cho tỉ lệ mã trộn ở cấu trúc mệnh đề thấp là bởi cấu trúc ngữ pháp phức tạp của chúng (bao gồm cả chủ ngữ và vị ngữ). Ví dụ như *I don't care* hay *Let me go*, mỗi mệnh đề này không cần thêm bất kì phần bổ sung nào để có thể truyền tải thông điệp rõ ràng. Hoặc trong câu “Này em ơi, *why you so đẹp*”, phần *why you so* có thể được xem là mệnh đề phụ thuộc vì nó không thể đứng một mình song lại hết sức tinh tế khi bổ sung cho “đẹp” của tiếng Việt. Điều này đòi hỏi nhạc sĩ phải cân nhắc kĩ lưỡng về nhịp điệu, cấu trúc câu và sự chuyển tiếp ngữ nghĩa sao cho hợp lí, tránh gây cảm giác rời rạc hoặc lệch nhịp. Chính vì vậy, hình thức mệnh đề ít được sử dụng hơn, và khi xuất hiện, thường có mục đích rõ ràng về mặt biểu đạt và ý nghĩa.

Thứ hai, về mã trộn danh từ, cụm danh từ

Trong các từ loại tham gia trộn mã, danh từ là từ loại chiếm tỉ lệ cao nhất (2.397 từ chiếm 66,14%, 341 cụm từ chiếm 34,2%). Điều này khẳng định vai trò trung tâm của danh từ trong việc truyền tải nội dung, cảm xúc và hình tượng - những yếu tố cốt lõi của ca từ nhạc trẻ. Có thể thấy, danh từ xuất hiện nhiều trong hiện tượng trộn mã vì sở hữu đặc điểm ngữ pháp - ngữ nghĩa đặc thù, giúp chúng dễ dàng “mượn” từ ngôn ngữ khác mà vẫn hòa hợp với cấu trúc câu tiếng Việt. Cụ thể, theo chúng tôi có các lí do sau:

(1). Danh từ có tính độc lập ngữ pháp cao, không cần biến đổi hình thái. Trong *Thích rồi đấy* (Khắc Hưng), từ *baby* được chèn trực tiếp vào câu “*Baby em trót thích anh rồi đấy*” mà vẫn tự nhiên, không vi phạm quy tắc ngữ pháp.

(2). Danh từ đảm nhiệm vai trò truyền tải thông tin chính, tạo điểm nhấn ngữ nghĩa. Trong *Trò chơi* (Soobin Hoàng Sơn), từ *lady* không chỉ định danh “cô gái” mà còn gợi sắc thái thân mật, tôn trọng.

(3) Danh từ thường giữ vị trí chủ ngữ hoặc bổ ngữ, góp phần duy trì mạch cú pháp. Trong *Nai vàng* (Pháo), cụm “*xin số phone*” minh họa cách danh từ *phone* được dùng tự nhiên trong vai trò bổ ngữ.

(4). Danh từ thường gắn với biểu tượng văn hóa hoặc thương hiệu, tạo hiệu ứng thẩm mỹ. Trong *Bỏ túi* (B-Wine, Vsoul), danh từ *Prada* biểu trưng cho sự sang trọng và phong cách thời thượng.

Bên cạnh đó, cụm danh từ cũng được ưa chuộng vì có khả năng mở rộng biểu đạt hình ảnh và tăng tính biểu cảm cho ca từ. Không chỉ định danh như danh từ đơn, cụm danh từ giúp nghệ sĩ tạo nên kết cấu ngôn ngữ giàu hình tượng, ví dụ: *good girl, toxic relationship, the real love...* thể hiện sắc thái cảm xúc, thái độ và cá tính trẻ trung. Bên cạnh đó, tính đa nghĩa và biểu trưng cao khiến cụm danh từ như *the one* hay *my love* trở thành điểm tựa cho sự liên tưởng nghệ thuật. Ngoài ra, độ linh hoạt về tiết tấu của cụm danh từ giúp ca sĩ dễ hòa nhịp cùng giai điệu. Nhờ vậy, mã trộn danh từ góp phần tạo nên ca từ tinh tế, hiện đại và giàu sức gợi - đặc trưng nổi bật của nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023.

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy danh từ/ cụm danh từ là trung tâm của hiện tượng trộn mã trong nhạc trẻ Việt Nam. Chúng không chỉ đảm nhận chức năng ngữ pháp mà còn góp phần thể hiện xu hướng ngôn ngữ nghệ thuật - năng động, biểu cảm và giàu sức gợi của âm nhạc đương đại.

Thứ ba, về mã trộn động từ, cụm động từ

Động từ là loại mã trộn phổ biến thứ hai, thậm chí cụm động từ còn có tỉ lệ sử dụng cao hơn cụm danh từ (490 mã trộn động từ chiếm 13,52%; 421 mã trộn cụm động từ chiếm 42,3%) cho thấy lời hát không chỉ biểu cảm mà còn miêu tả hành động, trạng thái và chuyển động tâm lý một cách súc tích, hiện đại. Các động từ tiếng Anh như *feel, miss, love, follow...* xuất hiện ngày càng phổ biến nhờ tính ngắn gọn, nhạc tính cao và linh hoạt trong việc bắt nhịp với tiết tấu nhanh của Pop, R&B hay Rap. Sự bùng nổ của nhóm từ này phản ánh xu hướng biểu đạt bản ngã và trạng thái nội tâm trực diện của người trẻ, biến động từ trộn mã thành yếu tố trọng tâm trong cấu trúc ca từ hiện đại. Xuất phát từ các lý do sau:

(1). Động từ giữ vai trò trung tâm trong vị ngữ, giúp câu hoàn chỉnh và tạo điểm nhấn ngữ nghĩa. Trong *Nuông chill* (TRID MINH), từ *chill* đảm nhiệm vị ngữ trong câu “*Em cứ chill*”, vừa tự nhiên vừa thể hiện trạng thái thư thái của nhân vật trữ tình.

(2). Động từ thể hiện hành động và tiến trình cảm xúc, giúp khắc họa rõ nét sự chuyển động tâm lý. Trong *Tình nhân ơi* (Châu Đăng Khoa), từ *listen* mang ý nghĩa “hãy lắng nghe”, tạo điểm nhấn tình cảm và kết nối cảm xúc giữa người hát và người nghe.

(3). Động từ tiếng Anh thường ngắn gọn, dễ phát âm và giàu nhạc tính, phù hợp với tiết tấu nhanh. Như trong *Call me* (Wren Evans), từ *ship* chỉ một âm tiết, giúp ca từ bắt nhịp tự nhiên hơn so với từ “vận chuyển” trong tiếng Việt.

Cuối cùng, việc trộn mã ở cấp độ động từ còn phản ánh xu hướng biểu đạt cảm xúc qua hành động - đặc trưng trong giao tiếp của giới trẻ hiện nay. Các từ như *chill, happy, sad, worry...* xuất hiện dày đặc, biểu thị trực tiếp cảm xúc và cá tính.

Bên cạnh động từ, cụm động từ với tần suất 421 lượt, là dạng mã trộn phổ biến nhất nhờ khả năng biểu đạt hành động trọn vẹn, giàu cảm xúc và linh hoạt về tiết tấu. Các cụm như *fly high* (“*Anh vẫn sẽ đưa em fly high*” - *Cô gái m52*, HuyR, Tùng Vùi), *pick up the phone* (“*Pick up the phone, vô tình giọng em vang lên*” - *Yêu em đại khờ* - Lou Hoàng), hay *fall in love, break down...* không chỉ diễn tả hành động mà còn gợi cảm xúc, trạng thái tâm lý và sắc thái cá nhân của cái tôi trữ tình. So với động từ đơn, cụm động từ mở rộng trường nghĩa, tăng sức gợi hình và tạo điểm nhấn nhịp điệu cho ca từ. Nhờ đó, mã trộn cụm động từ trở thành chiến lược ngôn ngữ và thẩm mỹ đặc trưng, phản ánh rõ nét tinh thần hiện đại và sự giao thoa văn hoá trong nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023.

Tóm lại, động từ/ cụm động từ là loại từ có khả năng thích ứng cao trong hiện tượng trộn mã, vừa đảm nhiệm chức năng ngữ pháp, vừa tăng tính biểu cảm và nhạc tính của ca từ, vừa phản ánh xu hướng biểu đạt cảm xúc qua hành động - đặc trưng trong giao tiếp của giới trẻ hiện nay. Điều này

cũng cho thấy xu hướng ngôn ngữ âm nhạc hiện đại đang hướng đến sự ngắn gọn, tự nhiên và giàu sức gợi.

Thứ tư, về mã trộn tính từ, cụm tính từ

Tính từ tuy ít xuất hiện hơn nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo sắc thái cảm xúc và thẩm mỹ. Đây là loại mã trộn có khả năng thích ứng cao trong ca từ nhạc trẻ Việt Nam nhờ đặc tính biểu cảm, giàu hình ảnh và dễ kết hợp. Các tính từ như *crazy, lonely, beautiful, high, cold...* được sử dụng khá phổ biến nhằm khắc họa cảm xúc, trạng thái tâm lý hoặc tạo hiệu ứng hình tượng thị giác. Về vai trò của mã trộn tính từ, có thể thấy một số điểm sau:

(1). Tính từ biểu đạt cảm xúc mạnh và trực tiếp, phù hợp với bản chất nội tâm của nhạc trẻ. Ví dụ, trong *Tiền nhiều để làm gì* (GDUCKY, Karik, Ricky Star), câu “*Bao suy tư ăn năn chông gai tạo cho ta chút crazy*” sử dụng *crazy* như một ẩn dụ cho sự hỗn loạn cảm xúc, không còn là “điên cuồng” theo nghĩa gốc mà chuyển hóa thành trạng thái tâm lý phức tạp của nhân vật trữ tình.

(2). Tính từ mang sắc thái và tính biểu tượng văn hóa, gắn liền với phong cách sống của giới trẻ. Chẳng hạn, những từ như *cool, toxic, basic, hot, sweet, wild...* không chỉ miêu tả đặc điểm mà còn gợi ra thái độ, bản sắc và cá tính, giúp ca khúc gần gũi với xu hướng ngôn ngữ mạng và thị hiếu khán giả.

(3). Tính từ có khả năng khái quát và tạo hình tượng đa nghĩa, mở rộng không gian biểu cảm nghệ thuật. Chẳng hạn, *cold* có thể chỉ cả “lạnh lẽo” của thời tiết lẫn “lạnh nhạt” của cảm xúc, hay *bright* vừa là ánh sáng vừa là “niềm tin, hi vọng”. Chính tính linh hoạt này khiến tính từ trở thành công cụ tạo chiều sâu biểu tượng trong lời hát.

Bên cạnh mã trộn tính từ, dù xuất hiện ít hơn cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ vẫn thể hiện vai trò rõ nét trong việc mở rộng sắc thái cảm xúc và tạo nhịp điệu ngôn ngữ cho ca từ. Các cấu trúc như *so bad, so good, too cold, really broken...* không chỉ mô tả đặc điểm mà còn nhấn mạnh cường độ cảm xúc, thể hiện phong cách trẻ trung và cá tính. Nhờ sự kết hợp linh hoạt giữa tính từ và trạng từ, cụm tính từ giúp lời ca biểu cảm, giàu nhạc tính và đậm dấu ấn ngôn ngữ hiện đại, góp phần định hình diện mạo ngôn ngữ của nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023.

Tóm lại, với chức năng mô tả - biểu cảm - tạo hình tượng, nhóm từ này góp phần làm phong phú diện mạo ngôn ngữ âm nhạc đương đại, phản ánh sự dung hợp giữa ngôn ngữ và cảm xúc của thế hệ sáng tác trẻ.

Thứ năm, về mã trộn các từ loại khác

Bảng thống kê cho thấy mã trộn thuộc các loại từ khác (giới từ, trạng từ, liên từ, thán từ, phó từ, đại từ, số từ) có tần suất xuất hiện thấp song đã tạo nên sự phong phú cho mã trộn trong các ca khúc nhạc trẻ. Tuy nhiên điều này cũng phản ánh xu hướng ưu tiên trộn mã ở những từ loại mang thông tin nội dung và giá trị biểu cảm cao, trong khi các loại từ còn lại chủ yếu đảm nhiệm vai trò ngữ pháp hoặc liên kết. Điềm qua các từ loại tham gia, chúng tôi có một vài nhận xét:

(1). Giới từ có tính phụ thuộc cú pháp mạnh và ít mang sắc thái biểu cảm, nên hiếm được chọn làm mã trộn. Các từ *in, on, at, by, from...* nếu chèn vào lời hát dễ gây rối cấu trúc ngữ pháp, do đó thường bị tránh sử dụng.

(2). Trạng từ và phó từ chỉ bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ, ít cần thiết trong cấu trúc ca từ ngắn gọn. Những từ như *maybe, really, tonight, just, very...* có thể làm rõ sắc thái nghĩa, nhưng thường bị lược bỏ để giữ nhịp gọn, cô đọng cho bài hát.

(3). Liên từ và thán từ như *and, but, so, yeah, oh...* hầu như không có giá trị thẩm mỹ riêng, chỉ được dùng trong một số thể loại mang tính khẩu ngữ như Rap hay Hip-hop, nhằm tạo điểm nhấn cảm xúc nhất thời.

(4). Đại từ ít được trộn mã vì dễ gây mơ hồ trong quan hệ người nói - người nghe. Tiếng Việt vốn có hệ thống đại từ giàu sắc thái văn hóa, nên việc dùng *I, you, we, he...* trở nên không cần thiết.

(5). Cuối cùng, số từ như *one, two, three* xuất hiện rất ít, bởi khả năng biểu đạt cảm xúc hạn chế, khó tạo hiệu ứng nghệ thuật mạnh trong lời ca.

Có thể thấy, mã trộn các từ loại khác xuất hiện ít là do giới hạn về chức năng ngữ pháp, giá trị biểu cảm thấp và hiệu quả thẩm mỹ hạn chế. Sự vắng mặt tương đối của chúng phản ánh sự chọn lọc

ngôn ngữ có chủ đích của các nghệ sĩ, nhằm tối ưu hóa hiệu ứng cảm xúc và tính nghệ thuật trong không gian ngôn ngữ của nhạc trẻ Việt Nam.

5. Kết luận

Qua kết quả thống kê và phân tích, có thể thấy hiện tượng trộn mã trong nhạc trẻ Việt Nam giai đoạn 2018-2023 được sử dụng ngày càng phổ biến. Mặc dù có sự phân bố không đều giữa các dạng cấu trúc (từ - cụm từ - mệnh đề) và các từ loại song đã cho thấy mức độ giao lưu, tiếp xúc văn hóa và xu hướng toàn cầu hóa đang ngày càng mở ra trên diện rộng. Về loại từ, các từ loại danh từ, động từ và tính từ (thực từ - trực tiếp biểu hiện nội dung và cảm xúc) chiếm ưu thế rõ rệt - điều này thể hiện rõ trên cả 2 cấp độ của cấu trúc: từ và cụm từ; các từ loại chức năng như giới từ, liên từ hay đại từ xuất hiện ít do hạn chế về giá trị biểu cảm và chức năng ngữ pháp. Về cấu trúc, từ và cụm từ được sử dụng rộng rãi hơn do tính linh hoạt và khả năng chêm xen trong câu khá thuận lợi; trong khi đó mệnh đề bị hạn chế khá rõ bởi tính phức tạp và độc lập của dạng cấu trúc này.

Sự chênh lệch này không ngẫu nhiên mà phản ánh chiến lược lựa chọn ngôn ngữ có chủ đích của người sáng tác. Việc ưu tiên các từ loại mang nội dung thông tin và cảm xúc cao cho thấy họ khai thác triệt để đặc trưng ngữ pháp nhằm tối ưu hóa hiệu ứng nghệ thuật. Nhờ đó, tiếng Việt và ngôn ngữ khác được hòa quyện linh hoạt, tạo nên diện mạo ngôn ngữ âm nhạc mới: vừa gần gũi với đại chúng, vừa thể hiện ý thức sáng tạo và xu hướng thẩm mỹ hiện đại của nhạc trẻ Việt Nam.

Có thể thấy, hiện tượng trộn mã ngôn ngữ không chỉ thể hiện năng lực sáng tạo ngôn ngữ cá nhân của thế hệ trẻ Việt Nam mà còn là biểu hiện của quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa, nơi các hệ mã cùng tồn tại, tương tác và làm phong phú đời sống ngôn ngữ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Thị Thùy Vinh, Trần Thu Huyền, Nguyễn Thị Thanh (2023), *Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ trong nhan đề bài báo điện tử*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Trần Thị Phương Lý & Cao Kim Vy (2019), *Hiện tượng pha trộn ngôn ngữ Việt Anh trong giao tiếp của tiểu thương chợ Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa. Tập 4, số 1. DOI: <https://doi.org/10.63506/jilc.0401.172>.
4. Tiểu Tân (2023, ngày 29 tháng 1), “Nhạc Việt 2023: Ưu thế của chất trẻ và công nghệ mới”. *Sài Gòn Giải Phóng*. Truy cập ngày 28 tháng 10 năm 2025
<https://www.sggp.org.vn/nhac-viet-2023-uu-the-cua-chat-tre-va-cong-nghe-moi-post676942.html>
5. Vũ Ngọc Tiên, Quang Đăng Như Ý, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Hoàng Kim Ngân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2025), *Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ trong các tác phẩm nhạc trẻ (giai đoạn 2018 - 2023)*. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sài Gòn.

Tiếng Anh

6. Auer, P. (Ed.). (1998), *Code-Switching in Conversation: Language, Interaction and Identity*. Routledge.
7. Bokamba, E. G. (1988), Code-mixing, language variation, and linguistic theory: Evidence from Bantu languages. *Lingua*, 76(1), 21–62.
8. Likhithongsathorn, T., & Sappapan, P. (2013), Study of English code-mixing and code-switching in Thai pop songs. Paper presented at the FLLT Conference, Thammasat University, Bangkok, Thailand. Truy cập ngày 28 tháng 10 năm 2025, từ: https://www.academia.edu/3572102/Study_of_English_Code_mixing_and_Code_switching_in_Thai_Pop_Songs
10. Muysken, P. (2000), *Bilingual Speech: A Typology of Code-Mixing*. Cambridge: Cambridge University Press.

11. Myers-Scotton, C. (1993), Comparing codeswitching and borrowing. In C. Myers-Scotton (Ed.), *Duelling Languages: Grammatical Structure in Codeswitching*. Oxford University Press.
12. Ni Nyoman Wartinah & Chrisda N Wattimury (2018), *Code Switching and Code Mixing in English Language Studies' Speech Community: A Sociolinguistics Approach*. Vol. 1 No. 1: Berumpun: International Journal of Social, Politics and Humanities.
13. DOI: <https://doi.org/10.33019/berumpun.v1i1.7>.
14. Wardhaugh, R., & Fuller, J. M. (2021), *An Introduction to Sociolinguistics* (8th ed.). Wiley, pp. 85–104.
15. Wan Nur Syaza Sahira Wan Rusli & Azianura Hani Shaari (2018), Intra and Inter Sentential Code Switching in Malay Songs. Vol 2 No 1: Jurnal Wacana Sarjana.

Decoding the structure of 'code-mixing' in the world of Vietnamese youth music (2018-2023)

Abstract: This paper focuses on examining and analyzing the structural characteristics of language mixing in Vietnamese pop songs during the period 2018-2023. Based on a survey and statistical analysis of 435 representative songs containing code-mixing elements on YouTube, the study reveals that code-mixing primarily occurs within intra-sentential mixing level, manifested through three structural types: word, phrase, and clause. Among these, the word level shows the highest frequency, with nouns, verbs, and adjectives being the most commonly mixed categories. The differences in code-mixing frequency across word classes and structural levels are not random; rather, they reflect the intentional linguistic choices of songwriters aiming to optimize expressive, aesthetic, and visual effects in lyrics. Furthermore, the paper elucidates the distinct grammatical and semantic features of each word class, thereby affirming code-mixing as a creative linguistic strategy that enriches the artistic language of Vietnamese pop music in the context of contemporary globalization.

Key words: Language mixing code; structure of mixing code; pop music; music lyrics.